ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH LẠI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 221/KH-UBND	*Vĩnh Lại, ngày 21 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II thuộc UBND xã Vĩnh Lại năm 2026

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; số 08/2023/TT-BGD&ĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; số 36/2024/QĐ-UBND ngày

31/10/2024 ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022.

Căn cứ các Công văn của Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố: Công văn số 2108/UBND-NVKTGS ngày 08/8/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất; Công văn 7452/SNV-CCVC ngày 22/9/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau hợp nhất; Công văn số 7676/SGDĐT-TCCB ngày 15/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đảm bảo đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2025-2026 và chế độ, chính sách đối với viên chức; Công văn số 2083/SGDĐT-TCCB ngày 09/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc cấp xã;

Căn cứ Công văn số 3303/SNV-CCVC ngày 17/6/2026 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập xã Vĩnh Lại; Công văn số 2946/SGDĐT-TCCB ngày 18/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến về Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập trực thuộc xã Vĩnh Lại năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại;

Căn cứ Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 21/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I, hạng III lên hạng II thuộc UBND xã Vĩnh Lại năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I, hạng III lên hạng II thuộc UBND xã Vĩnh Lại năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Lựa chọn được đội ngũ viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp (CDNN) theo quy định nhằm góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới.

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; sắp xếp, hoàn chỉnh cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu giáo viên theo chức danh nghề nghiệp tại Đề án vị trí việc làm của trường đã được phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đơn vị trường học có nhu cầu, còn chỉ tiêu và viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật. Các tiêu chí, minh chứng và hồ sơ phải đầy đủ, chính xác, được xác nhận và chịu trách nhiệm pháp lý bởi thủ trưởng cơ sở giáo dục.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định cụ thể tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

III. XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng không quá số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng được xác định trong số viên chức có thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp tại khoản 4 Mục IV của Đề án này từ 1 cho đến hết chỉ tiêu theo từng đơn vị.

(3) Được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

Lưu ý: *Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng CDNN cho các kỳ xét thăng hạng CDNN lần sau.*

3. Thứ tự ưu tiên trong xét thăng hạng

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

Thứ tự thành tích ưu tiên theo cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

(1) Huân chương lao động, Nhà giáo ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

(2) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Chiến sỹ thi đua thành phố/tỉnh; Bằng khen của Thành uỷ/Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND thành phố/tỉnh (khen thưởng công trạng).

(4) Bằng khen của bộ, ban, ngành, thành phố, tỉnh (khen thưởng phong trào thi đua, khen thưởng đột xuất).

(5) Bằng khen của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội của thành phố/tỉnh.

(6) Chiến sỹ thi đua cơ sở.

(7) Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh.

(8) Giấy khen cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới).

Lưu ý:

+ Thứ tự khen thưởng tính từ cao xuống thấp, khen thưởng công trạng trước, phong trào thi đua, đột xuất sau.

+ Các thành tích trong cùng một cấp độ là tương đương.

+ Nếu trong cùng mức cấp độ thành tích (ví dụ ở mức 7 - Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh) thì viên chức có số minh chứng nhiều hơn được xác định là thành tích cao hơn.

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Minh chứng để xét nội dung ưu tiên trên gồm: bản sao các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các thông tin trong hồ sơ cá nhân (quy định thành phần hồ sơ đăng ký xét thăng hạng) làm căn cứ xác định nội dung ưu tiên.

Trong trường hợp xét theo thứ tự ưu tiên vẫn không xác định được người trúng tuyển thì kết quả xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

IV. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập xã Vĩnh Lại năm 2026 là **21** chỉ tiêu, được phê duyệt tại Công văn số 3303/SNV-CCVC ngày 17/6/2026 của Sở Nội vụ, cụ thể như sau:

- **07** chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II lên hạng I, gồm:

+ 01 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên Mầm non hạng II lên Giáo viên Mầm non hạng I.

+ 02 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên Tiểu học hạng II lên Giáo viên Tiểu học hạng I.

+ 04 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên THCS hạng II lên Giáo viên THCS hạng I.

- **14** chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, gồm:

+ 03 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên Mầm non hạng III lên Giáo viên Mầm non hạng II.

+ 08 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên Tiểu học hạng III lên Giáo viên Tiểu học hạng II.

+ 03 chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Giáo viên THCS hạng III lên Giáo viên THCS hạng II**.**

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Hội đồng dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng như sau:

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Tổ chức từ ngày 29-30/6/2026.

- Địa điểm: Tại trường mầm non Nghĩa An, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

- Kinh phí tổ chức xét thăng hạng theo quy định hiện hành.

VI. THÔNG BÁO KẾT QUẢ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

3. Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) … thì huỷ kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa -Xã hội

- Là cơ quan thường trực, tham mưu cho UBND xã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập xã năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật và đúng các nội dung tại Kế hoạch này; sau kỳ xét thăng hạng tổng hợp kết quả báo cáo Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

- Tham mưu UBND xã thành lập Hội đồng Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra, sát hạch tổ chức xét thăng hạng.

- Phối hợp với Văn Phòng HĐND&UBND xã đăng tải công khai Thông báo xét thăng hạng của UBND xã lên Cổng thông tin điện tử xã theo quy định.

- Cử công chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Tham mưu cho UBND xã ban hành Quyết định xác định danh sách người trúng tuyển và thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phân công.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội triển khai, thực hiện Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2026 của UBND xã và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phân công; đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử xã.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện rà soát, tổng hợp hồ sơ; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức giáo viên được cử dự xét thăng hạng.

- Lập danh sách đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng viên chức giáo viên gửi Ủy ban nhân dân xã thẩm định theo quy định

4. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Phát thanh nội dung Thông báo Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND xã năm 2026 trong chương trình phát thanh hàng ngày trên hệ thống Đài phát thanh của xã.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I thuộc xã Vĩnh Lại năm 2026. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ TP;
- Sở Giáo dục và Đào tạo TP;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Phòng, ban, Trung tâm thuộc xã;
- Các thành viên Hội đồng xét thăng hạng;
- Trưởng Ban Giám sát;
- Các trường MN, TH, THCS công lập thuộc xã;
- Trung tâm DVSNC xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH LẠI T.P HẢI PHÒNG

Trần Đức Việt

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC GIÁO DỤC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 21/6/2026 của UBND xã)

TT	Đơn vị	Số người làm việc được giao năm 2025	Tổng viên chức hiện có	Số viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có				Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)								Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên, nhân viên			
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III trở xuống	CDNN hạng I			CDNN hạng II		CDNN hạng III trở xuống		CDNN hạng I			
									Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Số còn thiếu	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên
1	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=10*6*	*12=11-7*	*13*	*14=13*6*	*15*	*16=15*6*	*17=18+19+20*	*18*	*19*	*20*
	Xã Vĩnh Lại	**461**	**458**	**36**	**422**	**19**	**209**	**193**	10%	**42.2**	**23.2**	50%	**211**	40%	**168.8**	**7**	**2**	**5**	**0**
I	**Mầm Non**	**160**	**157**	**13**	**144**	**2**	**81**	**60**	10%	**14.4**	**12.4**	50%	**72**	40%	**57.6**	**1**	**1**	**0**	**0**
1	Mầm non Tân Hương	55	52	4	48	1	27	20	10%	4.8	3.8	50%	24	40%	19.2	0		0	0
2	Mầm non Nghĩa An	38	38	3	35	0	19	16	10%	3.5	3.5	50%	17.5	40%	14.0	0			
3	Mầm non Ứng Hòe	45	45	3	42	1	24	17	10%	4.2	3.2	50%	21	40%	16.8	1	1		
4	Mầm non Quyết Thắng	22	22	3	19	0	11	7	10%	1.9	1.9	50%	9.5	40%	7.6	0			
II	**Tiểu học**	166	166	13	**153**	10	67	76	10%	**15.3**	**5.3**	50%	**76.5**	40%	**61.2**	**2**	**0**	**2**	**0**
5	Tiểu học Ninh Thành	20	20	2	18	1	7	10	10%	1.8	0.8	50%	9	40%	7.2	0			
6	Tiểu học Tân Hương	34	34	2	32	2	15	15	10%	3.2	1.2	50%	16	40%	12.8	1		1	
7	Tiểu học Nghĩa An	46	46	3	43	3	19	21	10%	4.3	1.3	50%	21.5	40%	17.2	1		1	
8	Tiểu học Ứng Hòe	30	30	2	28	2	12	14	10%	2.8	0.8	50%	14	40%	11.2	0			
9	Tiểu học Quyết Thắng	18	18	2	16	1	7	8	10%	1.6	0.6	50%	8	40%	6.4	0			
10	Tiểu học Ninh Hòa	18	18	2	16	1	7	8	10%	1.6	0.6	50%	8	40%	6.4	0			
III	**THCS**	135	135	10	**125**	7	61	57	10%	**12.5**	**5.5**	50%	**62.5**	40%	**50**	**4**	**1**	**3**	**0**
11	THCS Ninh Thành	19	19	2	17	1	9	7	10%	1.7	0.7	50%	8.5	40%	6.8	0			
12	THCS Tân Hương	28	28	2	26	1	14	11	10%	2.6	1.6	50%	13	40%	10.4	1		1	
13	THCS Nghĩa An	36	36	2	34	2	18	14	10%	3.4	1.4	50%	17	40%	13.6	1		1	
14	THCS Ứng Hòe	33	33	2	31	2	13	16	10%	3.1	1.1	50%	15.5	40%	12.4	1		1	
15	THCS Quyết Thắng	19	19	2	17	1	7	9	10%	1.7	0.7	50%	8.5	40%	6.8	1	1		

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC GIÁO DỤC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ
SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG I
(Kèm theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 21/6/2026 của UBND xã)

TT	Đơn vị	Số người làm việc được giao năm 2025	Tổng viên chức hiện có	Số viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có				Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)							Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên, nhân viên			
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III trở xuống	CDNN hạng I			CDNN hạng II		CDNN hạng III trở xuống		CDNN hạng I			
									Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Số còn thiếu	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên
1	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=10*6*	*12=11-7*	*13*	*14=13*6*	*15*	*16=15*6*	*17=18+19+20*	*18*	*19*	*20*
	Xã Vĩnh Lại	**461**	**458**	**36**	**422**	**19**	**209**	**193**	10%	**42.2**	**23.2**	50%	**211**	40%	**168.8**	**7**	**2**	**5**	**0**
I	**Mầm Non**	**160**	**157**	**13**	**144**	**2**	**81**	**60**	10%	**14.4**	**12.4**	50%	**72**	40%	**57.6**	**1**	**1**	**0**	**0**
1	Mầm non Tân Hương	55	52	4	48	1	27	20	10%	4.8	3.8	50%	24	40%	19.2	0		0	0
2	Mầm non Nghĩa An	38	38	3	35	0	19	16	10%	3.5	3.5	50%	17.5	40%	14.0	0			
3	Mầm non Ứng Hòe	45	45	3	42	1	24	17	10%	4.2	3.2	50%	21	40%	16.8	1	1		
4	Mầm non Quyết Thắng	22	22	3	19	0	11	7	10%	1.9	1.9	50%	9.5	40%	7.6	0			
II	**Tiểu học**	166	166	13	**153**	10	67	76	10%	**15.3**	**5.3**	50%	**76.5**	40%	**61.2**	**2**	**0**	**2**	**0**
5	Tiểu học Ninh Thành	20	20	2	18	1	7	10	10%	1.8	0.8	50%	9	40%	7.2	0			
6	Tiểu học Tân Hương	34	34	2	32	2	15	15	10%	3.2	1.2	50%	16	40%	12.8	1		1	
7	Tiểu học Nghĩa An	46	46	3	43	3	19	21	10%	4.3	1.3	50%	21.5	40%	17.2	1		1	
8	Tiểu học Ứng Hòe	30	30	2	28	2	12	14	10%	2.8	0.8	50%	14	40%	11.2	0			
9	Tiểu học Quyết Thắng	18	18	2	16	1	7	8	10%	1.6	0.6	50%	8	40%	6.4	0			
10	Tiểu học Ninh Hòa	18	18	2	16	1	7	8	10%	1.6	0.6	50%	8	40%	6.4	0			
III	**THCS**	135	135	10	**125**	7	61	57	10%	**12.5**	**5.5**	50%	**62.5**	40%	**50**	**4**	**1**	**3**	**0**
11	THCS Ninh Thành	19	19	2	17	1	9	7	10%	1.7	0.7	50%	8.5	40%	6.8	0			
12	THCS Tân Hương	28	28	2	26	1	14	11	10%	2.6	1.6	50%	13	40%	10.4	1		1	
13	THCS Nghĩa An	36	36	2	34	2	18	14	10%	3.4	1.4	50%	17	40%	13.6	1		1	
14	THCS Ứng Hòe	33	33	2	31	2	13	16	10%	3.1	1.1	50%	15.5	40%	12.4	1		1	
15	THCS Quyết Thắng	19	19	2	17	1	7	9	10%	1.7	0.7	50%	8.5	40%	6.8	1	1		

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC GIÁO DỤC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ
SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG II
(Kèm theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 21/6/2026 của UBND xã)

TT	Đơn vị	Số người làm việc được giao năm 2025	Tổng viên chức hiện có	Số viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có				Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)							Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên, nhân viên			
									CDNN hạng I		CDNN hạng II			CDNN hạng III trở xuống			CDNN hạng II			
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III trở xuống	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Số còn thiếu	Tỉ lệ	Số lượng tương ứng	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên	Đề xuất xử dụng số dư của hạng I
1	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=10*6*	*12*	*13=12*6*	*14=13-8*	*15*	*16=15*6*	*17=18+19+20+21*	*18*	*19*	*20*	*21*
	Xã Vĩnh Lại	**461**	**458**	**36**	**422**	**19**	**209**	**193**	10%	**42.2**	50%	**211**	25.2	40%	**168.8**	**14**	**0**	**14**	**0**	**23.2**
I	**Mầm Non**	**160**	**157**	**13**	**144**	**2**	**81**	**60**	**10%**	**14.4**	**50%**	**72**	**4.4**	**40%**	**57.6**	**3**	**0**	**3**	**0**	**12.4**
1	Mầm non Tân Hương	55	**52**	4	48	1	27	20	10%	4.8	50%	24	1.8	40%	19.2	1		1		3.8
2	Mầm non Nghĩa An	38	**38**	3	35	0	19	16	10%	3.5	50%	17.5	2	40%	14.0	2		2		3.5
3	Mầm non Ứng Hòe	45	**45**	3	42	1	24	17	10%	4.2	50%	21	0.2	40%	16.8	0				3.2
4	Mầm non Quyết Thắng	22	**22**	3	19	0	11	7	10%	1.9	50%	9.5	0.4	40%	7.6	0				1.9
II	**Tiểu học**	**166**	**166**	**13**	**153**	**10**	**67**	**76**	**10%**	**15.3**	**50%**	**76.5**	**14.8**	**40%**	**61.2**	**8**	**0**	**8**	**0**	**5.3**
5	Tiểu học Ninh Thành	20	**20**	2	18	1	7	10	10%	1.8	50%	9	2.8	40%	7.2	1		1		0.8
6	Tiểu học Tân Hương	34	**34**	2	32	2	15	15	10%	3.2	50%	16	2.2	40%	12.8	1		1		1.2
7	Tiểu học Nghĩa An	46	**46**	3	43	3	19	21	10%	4.3	50%	21.5	3.8	40%	17.2	2		2		1.3
8	Tiểu học Ứng Hòe	30	**30**	2	28	2	12	14	10%	2.8	50%	14	2.8	40%	11.2	2		2		0.8
9	Tiểu học Quyết Thắng	18	**18**	2	16	1	7	8	10%	1.6	50%	8	1.6	40%	6.4	1		1		0.6
10	Tiểu học Ninh Hòa	18	**18**	2	16	1	7	8	10%	1.6	50%	8	1.6	40%	6.4	1		1		0.6
III	**THCS**	**135**	**135**	**10**	**125**	**7**	**61**	**57**	**10%**	**12.5**	**50%**	**62.5**	**7**	**40%**	**50**	**3**	**0**	**3**	**0**	**5.5**
11	THCS Ninh Thành	19	**19**	2	17	1	9	7	10%	1.7	50%	8.5	0.2	40%	6.8	0				0.7
12	THCS Tân Hương	28	**28**	2	26	1	14	11	10%	2.6	50%	13	0.6	40%	10.4	0				1.6
13	THCS Nghĩa An	36	**36**	2	34	2	18	14	10%	3.4	50%	17	0.4	40%	13.6	0				1.4
14	THCS Ứng Hòe	33	**33**	2	31	2	13	16	10%	3.1	50%	15.5	3.6	40%	12.4	2		2		1.1
15	THCS Quyết Thắng	19	**19**	2	17	1	7	9	10%	1.7	50%	8.5	2.2	40%	6.8	1	0	1		0.7